NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN KINH TẾ VĨ MÔ

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Việc chính phủ cắt giảm thuế sẽ làm:

A. Dịch chuyển đường IS sang trái.

B. Dịch chuyển đường IS sang phải.

C. Dịch chuyển đường LM sang phải.

D. Tổng cầu tăng do đó sản lượng tăng và có sự di chuyển dọc đường IS.

Giải thích:

Việc chính phủ cắt giảm thuế sẽ làm tăng thu nhập khả dụng, từ đó kích thích đầu tư và tiêu dùng trong dân chúng, làm tổng cầu tăng, đẩy đường IS dịch chuyển sang phải một đoạn $\Delta Y = k\Delta AD$.

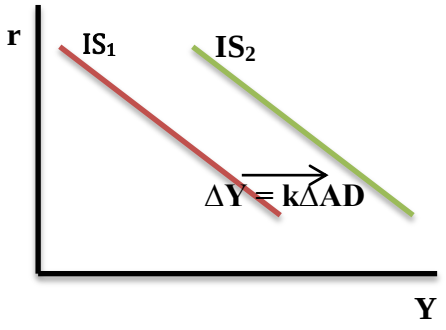

Câu 2: ..... là hiện tượng tăng chi phí sản xuất kéo theo tăng giá; ..... là hiện tượng tăng giá tạo ra bởi hiện tượng tăng tổng cầu.

A. Lạm phát do thừa tiền/lạm phát phía cung do tiền lương tăng.

B. Lạm phát cầu kéo/lạm phát phía cung do chi phí đẩy.

C. Lạm phát do chi phí đẩy/lạm phát do lương đẩy.

D. Lạm phát do chi phí đẩy/lạm phát do cầu kéo.

Giải thích:

Lạm phát do chi phí đẩy (lạm phát do cung) là hiện tượng tăng chi phí sản xuất kéo theo tăng giá; lạm phát do cầu kéo (lạm phát do cầu) là hiện tượng tăng giá tạo ra bởi hiện tượng tăng tổng cầu.

Câu 3: Khi ngân hàng trung ương bán ngoại tệ ra để duy trì tỷ giá cố định sẽ làm cho:

A. Cung nội tệ giảm.

B. Lãi suất trong nước giảm.

C. Lãi suất trong nước không đổi.

D. Cung nội tệ tăng.

Giải thích:

Để duy trì tỷ giá cố định, ngân hàng trung ương bán ngoại tệ ra để mua nội tệ vào, dự trữ ngoại tệ sẽ giảm và lượng cung nội tệ trong nước cũng giảm. Đồng thời, khi lượng cung nội tệ trong nước giảm sẽ làm lãi suất trong nước tăng do đường cung tiền tệ dịch chuyển sang trái.

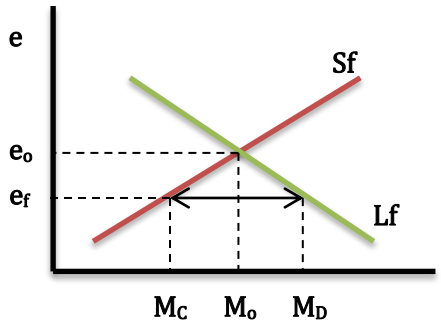

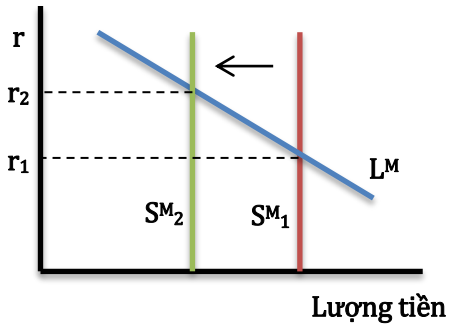

Câu 4: Đường Phillips dài hạn có dạng ..... tại .....

A. Nằm ngang/tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

B. Thẳng đứng/tỷ lệ lạm phát tự nhiên.

C. Thẳng đứng/tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

D. Nằm ngang/tỷ lệ lạm phát tự nhiên.

Giải thích:

Trong dài hạn, đường Phillips là một đường thẳng đứng song song với trục tung ở mức thất nghiệp tự nhiên, nghĩa là trong dài hạn không có sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp.

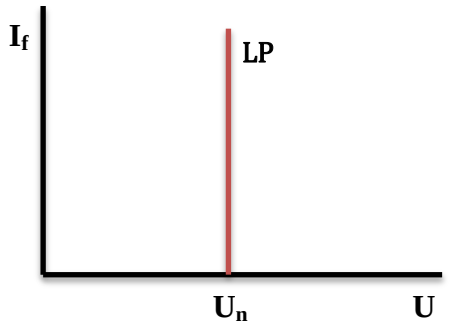

Câu 5: Biết rằng tổng chi tiêu AD = 600 + 0,75Y, nếu sản lượng trong nền kinh tế là 2000 thì thị trường hàng hóa đang ..... một lượng là .....

A. Dư thừa/100

B. Thiếu hụt/100

C. Dư thừa/50

D. Tất cả đều sai.

Giải thích:

Tại mức sản lượng (tổng cung) là 2000 thì tổng chi tiêu (tổng cầu) sẽ là:

$$AD = 600 + 0,75Y = 600 + 0,75.2000 = 2100$$

Do:

$$AS - AD = 2000 - 2100 = -100$$

Nên thị trường hàng hóa đang thiếu hụt một lượng là 100.

Câu 6: Trong nền kinh tế đơn giản chỉ có hai khu vực là hộ gia đình và doanh nghiệp, với $C = 1500 + 0,8Y_d$ trong đó Y_d là thu nhập khả dụng, I = 200. Mức sản lượng cân bằng là:

A. 3000 B. 4800 C. 6000 ***D. Tất cả đều sai.***

Giải thích:

Trong nền kinh tế đơn giản, mức sản lượng cân bằng được tính bởi công thức:

$$Y = \frac{C_o + I_o}{1 - C_m - I_m} = \frac{1500 + 200}{1 - 0,8 - 0} = 8500$$

Câu 7: Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền gửi là 60%, tỷ lệ dự trữ trong toàn hệ thống ngân hàng so với tiền gửi là 10%, cơ số tiền là 1500 tỷ. Xác định giá trị khối tiền:

A. 5000 tỷ B. 10000 tỷ C. 3000 tỷ ***D. Tất cả đều sai***

Giải thích:

Số nhân tiền tệ:

$$k^M = \frac{c + 1}{c + d} = \frac{0,6 + 1}{0,6 + 0,1} = \frac{16}{7}$$

Giá trị khối tiền:

$$\overline{M} = k^M.H = \frac{16}{7}.1500 \approx 3429 \text{ tỷ}$$

Câu 8: Khi cầu tiền co giãn hoàn toàn đối với lãi suất, đường LM sẽ:

A. Dốc xuống.

B. Nằm ngang song song với trục hoành.

C. Dốc lên.

D. Thẳng đứng song song với trục tung.

Giải thích:

Khi cầu tiền co giãn hoàn toàn đối với lãi suất ($L_m^r = \infty$), đường LM nằm ngang song song với trục hoành.

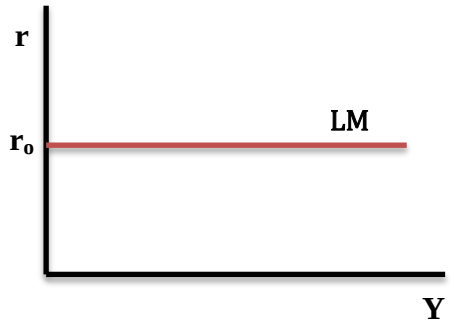

Câu 9: Một nhà nhập khẩu Việt Nam mua một chai rượu Whisky với giá 150 USD. Giao dịch này sẽ được đưa vào:

A. Tài khoản vãng lai (CA), ghi tăng.

B. Tài khoản vốn và tài chính (CF hay KA), ghi tăng.

C. Tài khoản vãng lai (CA), ghi giảm.

D. Tài khoản vốn và tài chính (CF hay KA), ghi giảm.

Giải thích:

Một nhà nhập khẩu Việt Nam mua một chai rượu Whisky với giá 150 USD: đây là hoạt động mua bán hàng hóa và dịch vụ giữa nền kinh tế trong nước và nước ngoài, luồng ngoại tệ đi khỏi quốc gia nên giao dịch sẽ được đưa vào tài khoản vãng lai (CA), ghi giảm (–).

Câu 10: Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng:

A. Chính sách tài khóa không có tác dụng khi đầu tư không phụ thuộc vào lãi suất.

B. Chính sách tài khóa mở rộng có thể gây ra hiện tượng lấn át đầu tư.

C. Trên thị trường tài chính, giá chứng khoán và lãi suất tiền tệ có mối quan hệ nghịch biến.

D. Lãi suất và đầu tư có mối quan hệ nghịch biến.

Giải thích:

Khi đầu tư không phụ thuộc vào lãi suất ($I_m^r = 0$), đường IS thẳng đứng, chính sách tài khóa có tác dụng rất mạnh cho dù đường LM thế nào vì không xảy ra hiện tượng lấn át, Y sẽ thay đổi theo số nhân: $\Delta Y = k\Delta AD$.

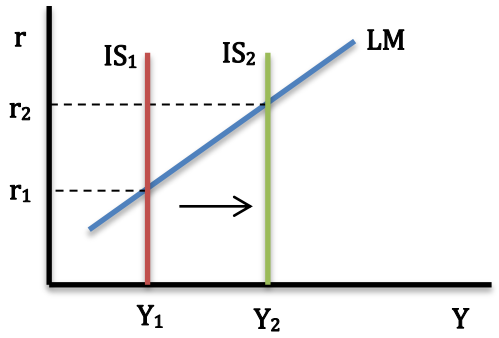

Câu 11: ..... là sự gia tăng liên tục của mức giá trung bình của tất cả các loại hàng hóa và dịch vụ theo thời gian, ... là sự giảm đi liên tục của mức giá trung bình của tất cả các loại hàng hóa và dịch vụ theo thời gian, ... là sự giảm đi của tỷ lệ lạm phát. Điền vào chỗ trống theo thứ tự:

A. Giảm lạm phát/giảm phát/lạm phát.

B. Lạm phát/giảm lạm phát/giảm phát.

C. Lạm phát/giảm phát/giảm lạm phát.

D. Giảm phát/giảm lạm phát/lạm phát.

Giải thích:

Lạm phát là tình trạng mức giá chung (mức giá trung bình) của nền kinh tế tăng lên trong một khoảng thời gian nhất định. Giảm phát là tình trạng mức giá chung (mức giá trung bình) của nền kinh tế giảm xuống trong một khoảng thời gian nhất đinh. Giảm lạm phát là tình trạng mức giá chung (mức giá trung bình) của nền kinh tế tăng lên nhưng với rốc độ chậm hơn so với trước (tỷ lệ lạm phát giảm dần).

Câu 12: Dùng tỷ lệ tăng của GDP thực để phản ánh tăng trưởng kinh tế vì:

A. Tính theo giá năm hiện hành.

B. Tính theo sản lượng của năm hiện hành.

C. Đã loại được yếu tố trượt giá qua các năm.

D. Tất cả đều sai.

Giải thích:

GDP thực được đưa ra nhằm điều chỉnh lại của những sai lệch như sự mất giá của đồng tiền trong việc tính toán GDP danh nghĩa để có thể ước lượng chuẩn hơn số lượng thực sự của hàng hóa và dịch vụ tạo thành GDP. Vì thế, sử dụng tỷ lệ tăng của GDP thực tế có thể phản ánh chính xác hơn sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia:

$$GDP_R^t = \frac{GDP_N^t}{I_d^t}.100\%$$

Câu 13: Sự gia tăng chi tiêu của chính phủ có thể được tài trợ bằng cách:

A. Bán trái phiếu cho công chúng.

B. Vay nước ngoài.

C. Vay của ngân hàng trung ương.

D. Tất cả đều đúng.

Giải thích:

Chính phủ có thể gia tăng chi tiêu thông qua các khoản vay (nợ chính phủ). Các hình thức vay nợ của chính phủ:

- Phát hành trái phiếu: vay nợ từ các tổ chức, cá nhân.
- Vay trực tiếp: từ ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, các thể chế siêu quốc gia (vay nước ngoài).

Câu 14: Nếu chính phủ tăng chi tiêu và tăng thuế một lượng bằng nhau thì:

A. Sản lượng tăng.

B. Sản lượng giảm.

C. Sản lượng không đổi.

D. Khuynh hướng tiêu dùng biên MPC tăng.

Giải thích:

Nếu chính phủ tăng chi tiêu và tăng thuế một lượng bằng nhau thì sản lượng sẽ tăng một lượng:

$$\Delta Y = k\Delta AD = k_G\Delta G + k_T\Delta T = k\Delta G - C_m k\Delta T$$

Do:

$$0 < C_m < 1 \text{ và } \Delta G = \Delta T$$

Nên:

$$\Delta Y = k\Delta G - C_m k\Delta T > 0$$

Vậy sản lượng tăng.

Câu 15: Khi thu nhập tăng 100, biết khuynh hướng tiêu dùng biên là 0,8; khuynh hướng nhập khẩu biên là 0,1; thuế suất biên là 0,2; tổng chi tiêu cho hàng hóa trong nước sẽ tăng:

A. 60 ***B. 54*** C. 84 D. Tất cả đều sai.

Giải thích:

Khi thu nhập (thu nhập quốc gia Y) tăng 100, nghĩa là:

$$\Delta Y = 100$$

Thì thuế ròng tăng:

$$\Delta T = T_m \Delta Y = 0{,}2.100 = 20$$

Thu nhập khả dụng tăng:

$$\Delta Y_d = \Delta Y - \Delta T = 100 - 20 = 80$$

Tiêu dùng tăng:

$$\Delta C = C_m \Delta Y_d = 80.0{,}8 = 64$$

Nhập khẩu tăng:

$$\Delta M = M_m \Delta Y = 0{,}1.100 = 10$$

Tổng chi tiêu cho hàng trong nước (tổng cầu) tăng:

$$\Delta AD = \Delta C + \Delta I + \Delta G + \Delta X - \Delta M = 64 + 0 + 0 + 0 - 10 = 54$$

Câu 16: Trong dài hạn khi chính phủ tăng cung tiền thì:

A. Lãi suất thực giảm.

B. Lãi suất danh nghĩa giảm.

C. Lãi suất danh nghĩa tăng.

D. Lãi suất thực tăng.

Giải thích:

Trong dài hạn, lãi suất thực (r_R) không đổi và sản lượng (Y) cân bằng tại sản lượng tiềm năng (Y_p). Do đó, khi chính phủ tăng cung tiền sẽ làm tăng tỷ lệ lạm phát (I_f). Vì thế sẽ đẩy lãi suất danh nghĩa tăng:

$$r_N = r_R + I_f$$

Câu 17: Trong một năm tổng thu nhập quốc gia tăng 5%, chỉ số giá tăng 2%, dân số không đổi, thì thu nhập thực trên mỗi đầu người sẽ:

A. Tăng 7% B. Tăng 5% ***C. Tăng 3%*** D. Giảm 3%

Giải thích:

Tổng thu nhập quốc gia thực của năm trước:

$$GDP_R^{t-1} = \frac{GDP_N^{t-1}}{I_d^{t-1}}$$

Tổng thu nhập quốc gia thực của năm nay:

$$GDP_R^{t} = \frac{GDP_N^{t}}{I_d^{t}} = \frac{1{,}05.GDP_N^{t-1}}{1{,}02I_d^{t-1}} = \frac{35}{34}GDP_R^{t-1}$$

Do số dân không đổi, nên thu nhập thực trên mỗi đầu người tăng:

$$\frac{GDP_N^{t} - GDP_N^{t-1}}{GDP_N^{t-1}} = \frac{35-34}{34} = 0{,}029 \approx 3\%$$

Câu 18: Ngân hàng trung ương có thể làm tăng lượng tiền mạnh (hay cơ sở tiền) bằng cách:

A. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

B. Mua chứng khoán.

C. Bán ngoại tệ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Giải thích:

Để tăng lượng tiền cơ sở, ngân hàng trung ương có thể:

- Tăng lượng tiền mặt trong lưu thông, chẳng hạn bằng nghiệp vụ thị trường mở mua vào (ngân hàng trung ương mua công trái vào để bơm tiền mặt ra lưu thông), hay đơn giản là in thêm tiền giấy, đúc thêm tiền kim loại và đưa vào lưu thông.
- Nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
- Giảm lãi suất chiết khấu.

Câu 19: Chỉ tiêu nào nhỏ nhất trong các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia:

A. Tổng sản phẩm quốc dân.

B. Thu nhập khả dụng.

C. Thu nhập cá nhân.

D. Sản phẩm quốc dân ròng.

Giải thích:

Cách tính thu nhập khả dụng gián tiếp thông qua các chỉ tiêu khác:

$$DI = PI - T_{\text{cá nhân}}$$

$$= (NI - \pi_{\text{nộp+không chia}} + T_r) - T_{\text{cá nhân}} \qquad (T_r \text{ luôn âm})$$

$$= (NNP_{mp} - T_i) - (\pi_{\text{nộp+không chia}} + T_{\text{cá nhân}} - T_r)$$

$$= (GNP_{mp} - De) - (T_i + \pi_{\text{nộp+không chia}} + T_{\text{cá nhân}} - T_r)$$

$$= (GDP_{mp} - De) - (De + T_i + \pi_{\text{nộp+không chia}} + T_{\text{cá nhân}} - T_r)$$

$$= GDP_{mp} - (2De + T_i + \pi_{\text{nộp+không chia}} + T_{\text{cá nhân}} - T_r)$$

Câu 20: Trong thực tế, các nhà kinh tế thường dùng chỉ tiêu nào để đánh giá suy thoái kinh tế?

A. Thất nghiệp.

B. Lạm phát.

C. Sản lượng.

D. Chỉ tiêu khác.

Giải thích:

Trong thực tế, các nhà kinh tế thường dùng chỉ tiêu GDP (tổng sản lượng quốc gia, tổng thu nhập quốc gia) để đánh giá sự phát triển của một nền kinh tế.

Câu 21: Số liệu thống kê của nước A năm 2011: tiền lương 4000, tiền trả lãi 1200, tiền thuê đất 1700, khấu hao 1500, lợi nhuận 3000, thuế gián thu 1000, tiêu dùng hộ gia đình 7800, chi tiêu chính phủ 800, đầu tư ròng 700. Vậy xuất khẩu ròng (NX) năm 2011 là:

A. 1600 B. 3100 C. -800 D. Không xác định được.

Giải thích:

GDP của năm 2011 có thể được tính theo hai cách:

- Cách 1: Theo phương pháp dòng thu nhập: $GDP = W + R + i + \pi + De + T_i$
- Cách 2: Theo phương pháp dòng chi tiêu: $GDP = C + I + G + X - M$

Theo phương pháp dòng thu nhập:

$$GDP = W + R + i + \pi + De + T_i$$

$$= 4000 + 1700 + 1200 + 3000 + 1500 + 1000 = 12400$$

Vậy xuất khẩu ròng (NX):

$$NX = X - M = GDP - (C + I + G) = GDP - (C + I_N + De + G)$$

$$= 12400 - (7800 + 700 + 1500 + 800) = 1600$$

Câu 22: Thay đổi nào sau đây không làm tăng xuất khẩu ròng của Việt Nam:

A. Ngoại tệ giảm giá.

B. VND giảm giá.

C. Sản lượng của các nước nhập khẩu hàng Việt Nam tăng lên.

D. Các nước khác dỡ bỏ hàng rào thuế quan.

Giải thích:

Muốn tăng xuất khẩu ròng (NX) của Việt Nam cần phải tăng xuất khẩu hoặc giảm nhập khẩu:

- Ngoại tệ giảm giá: kích thích nhập khẩu, xuất khẩu ròng giảm.
- VND giảm giá: kích thích xuất khẩu do nước ngoài tăng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam, xuất khẩu ròng tăng.
- Sản lượng của các nước nhập khẩu hàng Việt Nam tăng lên: hàm nhập khẩu phụ thuộc vào sản lượng ($M = M_o + M_mY$) nên khi sản lượng tăng, nhập khẩu sẽ tăng. Mà nhập khẩu của các nước nhập khẩu hàng Việt Nam chính là giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Do đó, xuất khẩu ròng tăng.
- Các nước khác dỡ bỏ hàng rào thuế quan: Kích thích xuất khẩu của Việt Nam, xuất khẩu ròng tăng.

<u>Câu 23:</u> Khi vốn nước ngoài chuyển ra khỏi quốc gia X, trong cơ chế tỷ giá thả nổi thì:

A. Lãi suất trong nước có xu hướng giảm.

B. Dự trữ ngoại hối của quốc gia X giảm.

C. Xuất khẩu ròng giảm.

D. Tỷ giá tăng, đồng nội tệ giảm giá.

<u>Giải thích:</u>

Khi vốn nước ngoài chuyển ra khỏi quốc gia X sẽ làm lượng cung ngoại tệ của quốc gia X giảm. Trong cơ chế tỷ giá thả nổi, đường cung ngoại tệ dịch chuyển sang trái. Tại điểm cân bằng mới, tỷ giá tăng (đồng ngoại tệ tăng giá, đồng nội tệ giảm giá).

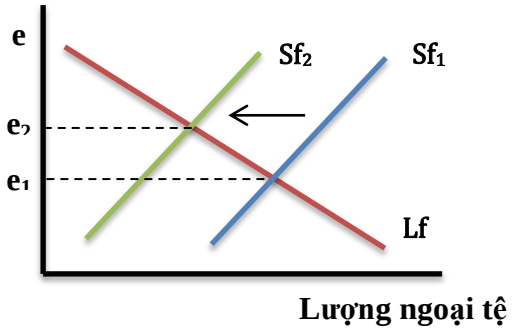

<u>Câu 24:</u> Trong mô hình IS – LM, nếu đường IS thẳng đứng, khi chính phủ tăng chi tiêu vào hàng hóa và dịch vụ một lượng ΔG thì:

A. Sản lượng tăng ΔY = ΔG vì có cả tác động hất ra và bẫy thanh khoản.

B. Sản lượng tăng thấp hơn ΔY = kΔG vì có tác động hất ra.

C. Sản lượng tăng theo hiệu ứng số nhân ΔY = kΔG, không có tác động hất ra.

D. Sản lượng tăng cao hơn ΔY = kΔG vì có tác động bẫy thanh khoản.

Giải thích:

Nếu đầu tư hoàn toàn không co giãn theo lãi suất ($I_m^r = 0$: đường IS thẳng đứng), thì chính sách tài kháo có tác dụng rất mạnh, cho dù đường LM thế nào vì không xảy ra hiện tượng lấn át, Y sẽ thay đổi theo số nhân ΔY = kΔAD = kΔG.

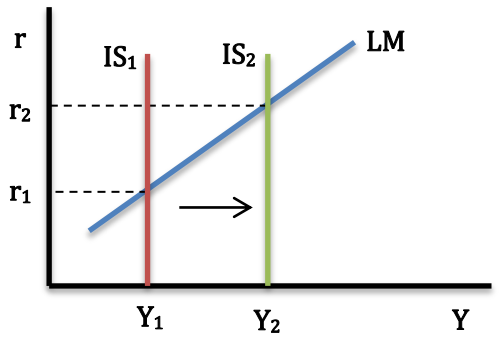

Câu 25: GDP thực bằng với GDP tiềm năng khi:

A. Sản lượng đang ở đỉnh của chu kỳ.

B. Tất cả các nguồn lực sản xuất được toàn dụng.

C. Nền kinh tế có mức tăng trưởng lớn hơn mức tăng trưởng thông thường.

D. Thất nghiệp rất thấp.

Giải thích:

Khi GDP thực bằng với GDP tiềm năng (sản lượng thực bằng với sản lượng tiềm năng), nền kinh tế cân bằng ở mức toàn dụng, tỷ lệ thất nghiệp thực tế bằng tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

Câu 26: Những khoản nào sau đây không phải là tiết kiệm của hộ gia đình:

A. Tiền tửi ngân hàng.

B. Tiền mua công trái.

C. Tiền mua vàng cất giữ.

D. Tiền đóng các khoản công ích địa phương.

Giải thích:

Tiền đóng các khoản công ích địa phương chính là thuế ($T_d + T_i$) và được sử dụng cho chi ngân sách, gồm chi mua hàng hóa - dịch vụ và chi chuyển nhượng của chính phủ ($G + T_r$).

Câu 27: Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng .....

A. Cao nhất mà một nền kinh tế có thể đạt được.

B. Đạt được khi các nguồn lực được toàn dụng.

C. Tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên và tỷ lệ lạm phát vừa phải.

D. Cả B và C đều đúng.

Giải thích:

Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng không quá cao để tỷ lệ lạm phát vừa phải và cũng không thấp để tỷ lệ thất nghiệp ở mức tự nhiên. Tại mức sản lượng tiềm năng, nền kinh tế cân bằng ở mức toàn dụng.

Câu 28: Cho số liệu của một quốc gia: $C = 300 + 0,8Y_d$; $I = 150 + 0,1Y$; $T = 140 + 0,1Y$; $X = 280$; $M = 150 + 0,12Y$. Mức sản lượng cân bằng khi chính phủ thực hiện mục tiêu cân bằng ngân sách là:

A. 1860 B. 2790 C. 2090 ***D. Tất cả đều sai.***

Giải thích:

Khi chính phủ thực hiện mục tiêu cân bằng ngân sách:

$$T = G$$

Do đó, mức sản lượng cân bằng:

$$AS = AD$$

$$\leftrightarrow \quad Y = C + I + G + X - M = C + I + T + X - M$$

$$= (300 + 0{,}8Y_d) + (150 + 0{,}1Y) + (140 + 0{,}1Y) + 280 - (150 + 0{,}12Y)$$

Mà:

$$Y_d = Y - T = Y - (140 + 0{,}1Y) = 0{,}9Y - 140$$

Nên:

$$Y = 608 + 0{,}8Y$$

$$\leftrightarrow \quad Y = 3040$$

Câu 29: Hệ thống ngân hàng thương mại tạo ra tiền bằng cách:

A. Phát hành kỳ phiếu.

B. In tiền để cho vay.

C. Tạo ra lượng tiền gởi mới (khoản nợ) không được bảo đảm hoàn toàn bằng dự trữ tiền mặt.

D. Phát hành các chứng chỉ tiền gởi.

Giải thích:

Có 2 cách tạo tiền:

- Ngân hàng trung ương: In tiền.
- Ngân hàng thương mại: Cho vay.

Trong 4 đáp án trên:

- Phát hành kỳ phiếu: hoạt động huy động tiền gởi.
- In tiền để cho vay: ngân hàng thương mại không có chức năng in tiền.
- Phát hành các chứng chỉ tiền gởi: hoạt động huy động tiền gởi.
- Tạo ra lượng tiền gởi mới (khoản nợ) không được bảo đảm hoàn toàn bằng dự trữ tiền mặt: tiền gởi chỉ được đem dự trữ một phần, phần còn lại được đem cho vay.

Câu 30: Nếu trên thị trường tiền tệ đang có hiện tượng thiếu tiền thì lãi suất sẽ có xu hướng:

A. Giảm ***B. Tăng*** C. Không đổi D. Không thể kết luận

Giải thích:
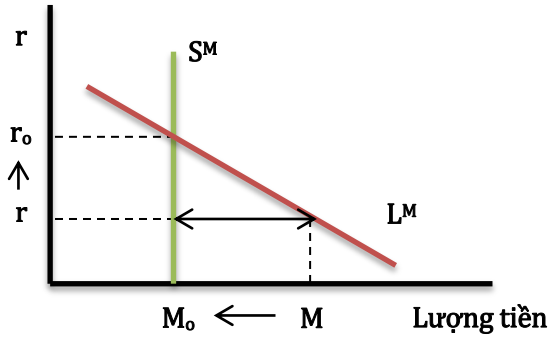
Nếu trên thị trường tiền tệ đang có hiện tượng thiếu tiền ($S^M < L^M$), lãi suất sẽ có xu hướng tăng nhằm giảm lượng cầu về tiền cho đến khi tiến lên điểm cân bằng mà tại đó $S^M = L^M$.